

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 09/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026 - 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026 - 2030 theo Quyết định số 1033/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Thanh Hóa.
- Thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, chất lượng phục vụ người dân và góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm triển khai thống nhất, đồng bộ với chương trình chuyển đổi số, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa; xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm và tiến độ thực hiện của các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị.
- Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, phát triển dữ liệu số, bảo đảm an toàn thông tin và huy động hiệu quả các nguồn lực để thực hiện Kế hoạch.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đồng bộ, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; lấy dữ liệu, nền tảng số và trí tuệ nhân tạo (AI) làm động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực; nâng cao chất lượng dịch vụ công, dịch vụ thiết yếu; tạo điều kiện để người dân và doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng hiệu quả các nền tảng, dịch vụ số, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Về kinh tế số

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đạt khoảng 20%;
- Hỗ trợ tối thiểu 60% doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số;
- Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt gấp 30 lần GRDP;
- Tỷ trọng quy mô đào tạo giáo dục đại học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM) đạt 40%.

2.2. Về xã hội số

- Tỷ lệ hộ gia đình được tiếp cận mạng Internet băng rộng cáp quang với tốc độ 1 Gb/s đạt 100%;
- Mạng băng rộng di động 5G đạt tốc độ tối thiểu 100 Mb/s, phủ sóng 99% dân số;
- 100% công dân tỉnh Thanh Hóa từ 14 tuổi trở lên có căn cước, tài khoản định danh điện tử;
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 95%;
- Tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%;
- Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực số cơ bản cho tối thiểu 500.000 lượt người trong độ tuổi lao động.

2.3. Mục tiêu, chỉ tiêu ngành, lĩnh vực đến năm 2030

(Chi tiết phân công thực hiện các chỉ tiêu tại Phụ lục 01 kèm theo).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh

Tổ chức triển khai hiệu quả các văn bản của Trung ương về phát triển kinh tế số và xã hội số; rà soát, tham mưu ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo; tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân tham gia phát triển kinh tế số và xã hội số.

2. Phát triển hạ tầng số, dữ liệu số và nền tảng số

Phát triển đồng bộ hạ tầng viễn thông, hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu; đẩy mạnh xây dựng, kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu của tỉnh; phát triển dữ liệu mở, nền tảng số dùng chung phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, người dân và doanh nghiệp.

Ưu tiên xây dựng, chuẩn hóa, tích hợp, kết nối và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu đặc thù của tỉnh phục vụ công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành, phân tích, dự báo và phát triển kinh tế số, xã hội số; xây dựng mô hình quản trị dữ liệu, trong đó thúc đẩy chia sẻ, kết nối dữ liệu giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân, tạo điều kiện cho việc khai thác, sử dụng dữ liệu mở, dữ liệu được chia sẻ và dữ liệu đã được xử lý, ẩn danh theo quy định của pháp luật để phát triển sản phẩm, dịch vụ số; phát triển dữ liệu mở và hình thành thị trường dữ liệu bảo đảm phù hợp với khung kiến trúc dữ liệu, khung quản trị, quản lý dữ liệu, từ điển dữ liệu; xây dựng các tình huống khai thác, sử dụng, tái sử dụng dữ liệu trong các hoạt động kinh tế - xã hội trên môi trường số.

3. Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)

Ưu tiên triển khai các ứng dụng AI trong hoạt động quản lý nhà nước, cải cách hành chính, đô thị thông minh và các lĩnh vực trọng điểm như y tế, giáo dục, nông nghiệp, công nghiệp, du lịch, tài nguyên và môi trường...; hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, tiếp cận và ứng dụng AI trong sản xuất, kinh doanh.

4. Bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng

Bảo đảm an ninh mạng để xây dựng niềm tin số trong phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh; triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu, nâng cao năng lực phòng ngừa, phát hiện và xử lý sự cố; tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

5. Phát triển nguồn nhân lực số và kỹ năng số

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, học sinh, sinh viên và người dân; thúc đẩy phong trào học tập, phổ cập kỹ năng số trong cộng đồng.

6. Phát triển xã hội số

Phổ cập các dịch vụ số thiết yếu, thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, định danh điện tử và chữ ký số; tạo điều kiện để người dân được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số an toàn, thuận tiện, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và thu hẹp khoảng cách số; tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trong tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ số.

7. Phát triển kinh tế số

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng công nghệ số, nền tảng số, thương mại điện tử, thanh toán số và trí tuệ nhân tạo trong quản trị doanh nghiệp, chăm sóc khách hàng, sản xuất, kinh doanh; phát triển doanh nghiệp công nghệ số, đổi mới sáng tạo, thúc đẩy hình thành các mô hình kinh doanh mới dựa trên dữ liệu và công nghệ số.

Xây dựng và phát triển hệ sinh thái hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã và hộ kinh doanh; thúc đẩy hình thành các nền tảng dùng chung phục vụ tư vấn, đào tạo, đánh giá mức độ chuyển đổi số, kết nối chuyên gia, chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các giải pháp chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

8. Phát triển quản trị số

Đẩy mạnh xây dựng chính quyền số, quản trị dựa trên dữ liệu; nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành thông qua Hệ thống trung tâm Giám sát và điều hành thông minh (IOC) Thanh Hóa và các nền tảng phân tích dữ liệu; tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

9. Phát triển kinh tế số và xã hội số ngành, lĩnh vực

9.1. Nông nghiệp

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp; xây dựng, cập nhật và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp của tỉnh, bảo đảm kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin của tỉnh. Tăng cường ứng dụng công nghệ số, Internet vạn vật (IoT), cảm biến, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu trong sản xuất nông nghiệp; phát triển các nền tảng số phục vụ quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc, dự báo thị trường, quản lý chất lượng và kết nối tiêu thụ nông sản. Thúc đẩy phát triển nông nghiệp thông minh, xanh, bền vững, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

9.2. Tài nguyên và môi trường

Đẩy mạnh xây dựng, cập nhật, chuẩn hóa và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu về đất đai, tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh; bảo đảm kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin của tỉnh. Tăng cường ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Thúc đẩy khai thác, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

9.3. Du lịch

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch; xây dựng, cập nhật và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu du lịch của tỉnh, phục vụ công tác quản lý, quảng bá, xúc tiến và phát triển du lịch. Ứng dụng công nghệ số trong quản lý, vận hành các cơ sở du lịch, nâng cao trải nghiệm của du khách; phát triển các nền tảng, ứng dụng du lịch số, du lịch thông minh, du lịch thực tế ảo nhằm quảng bá các điểm đến, sản phẩm du lịch đặc trưng của tỉnh. Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số trong hỗ trợ du khách, cá nhân hóa trải nghiệm; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch có kỹ năng số, đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch trong tình hình mới.

9.4. Văn hóa, thể thao

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, thể thao; thực hiện số hóa di sản, xây dựng và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu, kho dữ liệu số về văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh. Phát triển các nền tảng, ứng dụng số phục vụ quảng bá, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; thúc đẩy phát triển sản phẩm, dịch vụ văn hóa, thể thao trên môi trường số. Tăng cường bảo vệ bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng xử văn hóa trên không gian mạng, góp phần phát triển công nghiệp văn hóa và lan tỏa bản sắc văn hóa địa phương.

9.5. Thương mại

Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp thương mại; ứng dụng công nghệ số trong quản lý sản xuất, quản trị doanh nghiệp, quản lý chuỗi cung ứng và phát triển thương mại điện tử. Khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật và các công nghệ số mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh.

9.6. Logistics

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực logistics; phát triển các nền tảng, dịch vụ logistics số nhằm nâng cao hiệu quả kết nối, lưu thông, phân phối và tiêu thụ hàng hóa trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích doanh nghiệp logistics, doanh nghiệp sản xuất, xuất nhập khẩu ứng dụng công nghệ số trong quản lý, vận hành, truy xuất hàng hóa và tối ưu hóa chuỗi cung ứng. Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp; phát triển nguồn nhân lực logistics có kỹ năng số, đáp ứng yêu cầu phát triển hệ thống logistics, cảng biển, cảng hàng không và Khu kinh tế Nghi Sơn.

9.7. Công nghiệp chế biến, chế tạo

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo; hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng các giải pháp số trong quản trị doanh nghiệp, quản lý sản xuất, tự động hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Khuyến khích doanh nghiệp từng bước áp dụng công nghệ số phù hợp với quy mô, điều kiện thực tế, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển công nghiệp của tỉnh.

9.8. Năng lượng

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng; phối hợp hiện đại hóa hạ tầng điện lực, phát triển lưới điện thông minh, nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành hệ thống điện và bảo đảm cung cấp điện an toàn, ổn định.

9.9. Giáo dục và đào tạo

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý giáo dục, giảng dạy và học tập; phát triển học liệu số, nền tảng dạy và học trực tuyến, ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ hoạt động giáo dục. Tăng cường đào tạo kỹ năng số, kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo cho học sinh, sinh viên và đội ngũ giáo viên; thúc đẩy học tập số, học tập suốt đời trong cộng đồng.

- Triển khai, nhân rộng giáo dục STEM/STEAM và các nền tảng giáo dục số cho học sinh phổ thông. Phát triển mô hình trường học số, lớp học thông minh, quản trị giáo dục thông minh.

9.10. Lao động và việc làm

Xây dựng, cập nhật, chuẩn hóa và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu về người lao động, việc làm và giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh; bảo đảm kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin của tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng nền tảng số trong tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối cung - cầu lao động, quản lý giáo dục nghề nghiệp và cung cấp dịch vụ số cho người lao động, doanh nghiệp. Tăng cường số hóa quản lý an toàn, vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực phục vụ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

9.11. An sinh xã hội

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực an sinh xã hội, chuyển từ quản lý thủ công sang quản trị dựa trên dữ liệu, bảo đảm thực hiện chính sách kịp thời, công khai, minh bạch và đúng đối tượng. Xây dựng, cập nhật, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh, bảo đảm kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu liên quan. Đẩy mạnh chi trả các chế độ an sinh xã hội không dùng tiền mặt; triển khai các nền tảng, ứng dụng số hỗ trợ người dân, nhất là các nhóm yếu thế, tiếp cận thuận lợi các chính sách an sinh xã hội và dịch vụ công.

9.12. Bảo hiểm xã hội

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu bảo hiểm xã hội với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu liên quan; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, giao dịch điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt. Tăng cường phối hợp, liên thông dữ liệu với các cơ quan liên quan nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, mở rộng diện bao phủ và giảm tình trạng chậm đóng, nợ đóng bảo hiểm xã hội.

9.13. Y tế

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế; xây dựng, cập nhật và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu y tế, bảo đảm kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Triển khai hiệu quả sổ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, đơn thuốc điện tử và các nền tảng y tế số; phát triển khám, chữa bệnh từ xa, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế. Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các công nghệ số trong quản lý, khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe người dân; đào tạo, bồi dưỡng nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ngành y tế.

9.14. Xây dựng và giao thông vận tải

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực xây dựng và giao thông vận tải; xây dựng, cập nhật, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu chuyên ngành, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định. Tăng cường ứng dụng mô hình thông tin công trình (BIM), các nền tảng số, IoT, AI trong quản lý quy hoạch, hạ tầng, vận tải và điều hành giao thông; phát triển đô thị thông minh, giao thông thông minh, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

9.15. Tài chính - Ngân hàng

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng; phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, tài chính số và các dịch vụ ngân hàng số, góp phần thúc đẩy tài chính toàn diện. Khuyến khích mở rộng các phương thức thanh toán điện tử, tăng cường cung cấp dịch vụ tài chính số, nhất là tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính của người dân và doanh nghiệp.

9.16. Các ngành, lĩnh vực khác

Các ngành, lĩnh vực khác, căn cứ mục II của Kế hoạch này, xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số phù hợp với định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực mình.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo).

IV. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch; định kỳ hàng năm, trước ngày 15/12 tổng hợp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả triển khai thực hiện; đề xuất sửa đổi, bổ sung Chương trình khi cần thiết.

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương triển khai các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số của ngành, lĩnh vực, địa phương.

c) Hướng dẫn, rà soát, tổng hợp chung kinh phí thực hiện Kế hoạch trong phương án dự toán chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết; phối hợp với các cơ quan liên quan phát động phong trào thi đua, khen thưởng và kịp thời biểu dương các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phát triển kinh tế số và xã hội số.

đ) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Phụ lục 01, Phụ lục 02 Kế hoạch này.

2. Sở Tài chính

a) Căn cứ đề xuất của các đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ tại Kế hoạch này, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ngân sách, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí kinh phí, đảm bảo đúng đối tượng, mục tiêu và định mức chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Phụ lục 01, Phụ lục 02 Kế hoạch này.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Phụ lục 01, Phụ lục 02 Kế hoạch này.

b) Chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện hoặc lồng ghép đầy đủ trong các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả; bố trí nguồn lực, tổ chức đo lường các mục tiêu, chỉ tiêu được giao; xây dựng, tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu chuyên ngành, bảo đảm theo quy định.

c) Thực hiện các nhiệm vụ được giao phối hợp khi có yêu cầu của các Bộ, ngành, đơn vị Trung ương.

d) Định kỳ trước 10/12 hằng năm, gửi báo cáo về tình hình, kết quả triển khai thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

4. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các Tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương các cấp xây dựng kế hoạch hành động, huy động đoàn viên, hội viên tham gia triển khai Chương trình, đặc biệt trong phổ cập năng lực số, phát triển công dân số và tham gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số.

5. Các doanh nghiệp công nghệ số

a) Doanh nghiệp viễn thông, bưu chính ưu tiên đầu tư nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng bưu chính rộng khắp.

b) Doanh nghiệp công nghệ số phát triển nền tảng số, tích hợp trí tuệ nhân tạo nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả và trải nghiệm người dùng; bảo đảm an ninh mạng cho các nền tảng số, dịch vụ số.

c) Phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cập nhật, phát triển các chương trình đào tạo công nghệ số, điện tử, viễn thông, an ninh mạng; tham gia triển khai, nhân rộng mô hình “học từ làm”.

6. Các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh

a) Phát huy vai trò tiên phong trong đổi mới sáng tạo và dẫn dắt chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực then chốt;

b) Xây dựng và triển khai các chương trình chuyển đổi số toàn diện, hình thành các mô hình sản xuất, kinh doanh tiên tiến trên môi trường số, ứng dụng các nền tảng số, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và công nghệ lõi, công nghệ chiến lược;

c) Khuyến khích tham gia phát triển, chia sẻ và khai thác hạ tầng dữ liệu dùng chung, hạ tầng số và nền tảng số theo điều kiện thực tế bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật; hỗ trợ hệ sinh thái doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, tham gia chuyển đổi số theo chuỗi giá trị.

7. Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa; Cổng Thông tin điện tử tỉnh

Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa, nội dung của Kế hoạch; xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tin bài phản ánh kết quả triển khai, mô hình hay, cách làm hiệu quả.

Trên cơ sở Kế hoạch này, yêu cầu Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung nhiệm vụ được giao. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh mới hoặc khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Thanh Hóa;
- Hiệp hội DN tỉnh; Liên minh HTX tỉnh;
- Các doanh nghiệp nhà nước;
- Các doanh nghiệp viễn thông, CNTT;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature in blue ink)

Cao Văn Cường

Phụ lục 01

MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU THUỘC KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 – 2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa).

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU QUỐC GIA ĐẾN 2030

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì đo lường	Cơ quan phối hợp/thúc đẩy
	<i>Chỉ tiêu kinh tế số</i>				
1	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	%	20	Thống kê tỉnh	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
2	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số	Doanh nghiệp	10.000	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
3	Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt so với GRDP	Lần	30	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực 7	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
4	Tỷ trọng quy mô đào tạo giáo dục đại học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM)	%	40	Trường ĐH Hồng Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo
	<i>Chỉ tiêu xã hội số</i>				
1	Tỷ lệ hộ gia đình được tiếp cận mạng Internet băng rộng cáp quang với tốc độ 1Gb/s	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND cấp xã; Doanh nghiệp viễn thông
2	Mạng băng rộng di động 5G đạt tốc độ tối thiểu 100Mb/s, phủ sóng dân số	%	99	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND cấp xã; Doanh nghiệp viễn thông
3	Công dân từ 14 tuổi trở lên có căn cước, tài khoản định danh điện tử	%	100	Công an tỉnh	UBND cấp xã

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì đo lường	Cơ quan phối hợp/ thúc đẩy
4	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	%	95	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực 7	Các ngân hàng; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mobile money
5	Tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	70	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; UBND cấp xã
6	Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cơ bản cho tối thiểu lượt người trong độ tuổi lao động	Lượt	500.000	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã; doanh nghiệp công nghệ số

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NGÀNH, LĨNH VỰC ĐẾN 2030

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì đo lường	Cơ quan phối hợp/ thúc đẩy
1	Phân đầu số xã có hợp tác xã ứng dụng giải pháp công nghệ số, nền tảng số phục vụ quản trị, vận hành	%	70	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
2	Tỷ lệ cơ sở du lịch sử dụng nền tảng số phục vụ quản trị, kinh doanh du lịch	%	Tối thiểu 70	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
3	Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	15-17	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
4	Phân đầu tỷ lệ số doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực thương mại tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước	%	45	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
5	Tối thiểu số doanh nghiệp được hướng dẫn, triển khai các giải pháp chuyển đổi số, phát triển sản xuất thông minh	Doanh nghiệp	05	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì đo lường	Cơ quan phối hợp/ thúc đẩy
6	Tỷ lệ doanh nghiệp dịch vụ logistics sử dụng các giải pháp chuyên đổi số	%	80	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
7	Tỷ lệ lắp đặt công tơ đo xa sử dụng trên lưới điện và cho khách hàng sử dụng điện	%	95	Sở Công Thương	Điện lực Thanh Hoá
8	Tỷ lệ các cảng biển loại 1 và loại đặc biệt triển khai nền tảng quản trị, khai thác cảng	%	100	Sở Xây dựng	UBND cấp xã; doanh nghiệp cảng
9	Tỷ lệ bệnh viện có thực hiện hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh/khám bệnh, chữa bệnh từ xa hoặc hội chẩn, tư vấn từ xa	%	90	Sở Y tế	Các cơ sở y tế
10	Phân đầu tỷ lệ người dân được lập sổ sức khỏe điện tử	%	100	Sở Y tế	Công an tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
11	Tỷ lệ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên toàn tỉnh hoàn thành triển khai hồ sơ bệnh án điện tử	%	100	Sở Y tế	Các cơ sở khám chữa bệnh
12	Tỷ lệ các trường phổ thông (tiểu học, THCS, THPT) sử dụng nền tảng số trong quản trị, dạy học và sử dụng học bạ số	%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục phổ thông
13	Tỷ lệ học sinh phổ thông được tiếp cận các nền tảng giáo dục số, giáo dục STEM/STEAM	%	80	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục phổ thông

Phụ lục 02

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ
VÀ XÃ HỘI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HOÁ**
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa).

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
I	Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh				
1	Rà soát, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Các văn bản quy định, bản hướng dẫn được cấp có thẩm quyền ban hành	2026
II	Phát triển hạ tầng số, hạ tầng số công cộng				
2	Chỉ đạo việc phát triển hạ tầng băng rộng, 5G và thế hệ mạng di động tiếp theo, Internet vệ tinh quỹ đạo tầm thấp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số	Hoàn thành mục tiêu đặt ra tại Quyết định 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 25/8/2025 của UBND tỉnh	2030
3	Triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.	Sở Xây dựng; Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND cấp xã	Cảm biến thông minh được tích hợp vào các dự án xây dựng cơ bản	2028
4	Phát triển hạ tầng công nghiệp công nghệ số, trọng tâm là công nghiệp điện tử, công nghiệp bán dẫn.	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Hạ tầng công nghiệp công nghệ số được phát triển theo quy hoạch	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
III	Phát triển kinh tế dữ liệu				
5	Định kỳ rà soát, cập nhật, bổ sung danh mục các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và quản lý, chỉ đạo điều hành.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Công an tỉnh	Danh mục tại Quyết định số 11/2026/QĐ-TTg; Nghị quyết số 214/NQ-CP năm 2025 được cập nhật	Thường xuyên
6	Phát triển đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia; cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ và khai thác phục vụ hiệu quả công tác tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025, được phát triển, khai thác, sử dụng và đồng bộ về cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia	2026
7	Ban hành, triển khai kế hoạch cung cấp dữ liệu mở kèm theo danh mục dữ liệu mở phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Công an tỉnh	Kế hoạch; danh mục dữ liệu mở	2026 - 2027
IV	Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)				
8	Cập nhật, ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Quyết định của cấp có thẩm quyền	2026
V	Đảm bảo an ninh mạng				
9	Triển khai Chiến lược bảo vệ an ninh mạng, an ninh dữ liệu trong kỷ nguyên số tỉnh Thanh Hoá.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Kế hoạch	2026
10	Triển khai đánh giá tín nhiệm mạng, phát triển cơ chế liên kết và hợp tác nhằm xây dựng một không gian mạng an toàn, tin cậy.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Hoạt động thường xuyên đánh giá tín nhiệm mạng được thực hiện	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
VI	Phát triển nhân lực số				
11	Rà soát, đề xuất bổ sung danh mục ngành đào tạo và chuẩn năng lực số phù hợp với xu thế công nghệ mới và nhu cầu thị trường lao động.	Các trường đại học, cao đẳng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Báo cáo kết quả triển khai và đề xuất	Thường xuyên
12	Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Sau khi Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
13	Xây dựng chương trình tổng thể về đào tạo nông dân số, nông dân chuyên nghiệp, đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại, góp phần hình thành lực lượng lao động nông nghiệp có tri thức, kỹ năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND cấp xã	Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt Chương trình	2026
VII	Phát triển công dân số, văn hóa số				
14	Triển khai cung cấp chữ ký số công cộng miễn phí cho người dân thông qua ứng dụng VNeID phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến theo quy định pháp luật.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Trên 70% dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử	2030
15	Tổ chức phổ cập năng lực số cơ bản cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin, chuyên trách chuyển đổi số; công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất, kinh doanh; học sinh sinh viên; người dân theo Khung năng lực số.	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nội vụ	Triển khai theo Kế hoạch tổ chức phong trào “Bình dân học vụ số”	Thường xuyên
VIII	Phát triển doanh nghiệp công nghệ số				
16	Triển khai một số khu công nghiệp công nghệ số/khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các khu công nghiệp công nghệ số được triển khai	Kế hoạch triển khai	2026 - 2028

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
IX	Thực hiện quản trị số				
17	Cập nhật và công bố các chỉ tiêu thống kê về kinh tế số theo quy định của pháp luật; báo cáo và chia sẻ dữ liệu thống kê về kinh tế số với Hệ thống trung tâm Giám sát và Điều hành thông minh (IOC) Thanh Hóa và các nền tảng phân tích dữ liệu.	Thống kê tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Hệ thống chỉ tiêu thống kê, phương pháp đo lường, cơ chế báo cáo và chia sẻ dữ liệu thống kê về kinh tế số được cập nhật, công bố	2030
X	Phát triển kinh tế số và xã hội số các ngành, lĩnh vực				
	Nông nghiệp				
18	Triển khai, áp dụng hệ thống thông tin thị trường phục vụ công tác quản lý và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ nông dân.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	Sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin thị trường	2026 - 2030
19	Triển khai hỗ trợ trang trại, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác nông nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động chính trong lĩnh vực nông nghiệp chuyển đổi số.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính, UBND cấp xã	Các hoạt động hỗ trợ được triển khai	Thường xuyên
20	Triển khai, áp dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản bảo đảm liên thông với các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Hệ thống được triển khai, vận hành	2026
	Tài nguyên, môi trường				
21	Triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất về đất đai, nước, rừng, khoáng sản, khí tượng thủy văn, đa dạng sinh học...	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công an tỉnh; UBND cấp xã	Cơ sở dữ liệu về đất đai, nước, rừng, khoáng sản, khí tượng thủy văn, đa dạng sinh học được hình thành và cập nhật	Thường xuyên
22	Triển khai hệ thống bản đồ số về đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	Hệ thống được đưa vào sử dụng	2026 - 2027

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
23	Triển khai các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã	Các ứng dụng, nền tảng số được xây dựng, đưa vào sử dụng	2026
	Du lịch				
24	Triển khai hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu số chuyên ngành về du lịch; Công bố danh mục dữ liệu mở tạo điều kiện cho doanh nghiệp và cộng đồng khai thác, phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới trong lĩnh vực du lịch.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Cơ sở dữ liệu được tạo lập, phát triển; Danh mục dữ liệu mở được công khai	Thường xuyên
25	Triển khai hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực du lịch chuyển đổi số (lưu trú, lữ hành, ăn uống, điểm đến thông minh...).	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các hoạt động hỗ trợ được triển khai	Thường xuyên
26	Triển khai nền tảng số “Quản trị và Kinh doanh du lịch”.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND cấp xã, doanh nghiệp	Nền tảng số được đưa vào sử dụng rộng rãi	2026 - 2028
	Văn hóa, thể thao				
27	Hoàn thiện và phát triển cơ sở dữ liệu quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; số hóa di sản văn hóa và cập nhật vào nền tảng số.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Kết nối với các nền tảng, cơ sở dữ liệu trong nước và quốc tế về di sản văn hóa, cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa.	Thường xuyên
28	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số tiên tiến (như 3D, thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR), thực tế hỗn hợp (MR), trí tuệ nhân tạo (AI)...) trong hoạt động số hóa di sản văn hóa để lưu trữ, bảo vệ, quảng bá và phát huy giá trị di sản văn hóa tỉnh Thanh Hoá.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ	Di sản văn hóa được số hóa, một số giải pháp công nghệ được ứng dụng để phục vụ công tác bảo vệ và phát huy giá trị	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
	Thương mại, Logistics				
29	Thúc đẩy các cơ sở bán buôn, bán lẻ; hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số.	Sở Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ	UBND cấp xã	Triển khai các hoạt động thúc đẩy	Thường xuyên
30	Phát triển hệ thống hạ tầng logistics cho thương mại điện tử, bao gồm kho hàng, kho lạnh, trung tâm chia chọn và cụm logistics số.	Sở Công Thương	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Hạ tầng logistics được hình thành, phát triển	Thường xuyên
31	Ứng dụng công nghệ số trong việc triển khai thử nghiệm mô hình khu thương mại tự do tại một số địa phương có tiềm năng.	UBND cấp xã có liên quan đến triển khai thử nghiệm; Sở Công Thương	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành	Một số khu thương mại tự do được đưa vào hoạt động	2026 và các năm tiếp theo
	Công nghiệp chế biến, chế tạo				
32	Tổ chức các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo, phát triển nhà máy thông minh, tập trung vào các ngành công nghiệp chiến lược, công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn của tỉnh.	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, UBND cấp xã	Các hoạt động hỗ trợ được triển khai theo quy định	Thường xuyên
	Năng lượng				
33	Triển khai xây dựng lưới điện thông minh, quản trị hệ thống điện tiên tiến, phù hợp với xu thế chuyển đổi xanh, giảm phát thải, xu hướng phát triển khoa học công nghệ.	Sở Công Thương	Điện lực tỉnh	Triển khai theo chiến lược phát triển ngành điện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2026 - 2030
	Giáo dục và đào tạo				
34	Cập nhật cơ sở dữ liệu học bạ số, văn bằng số cho người học trên phạm vi toàn tỉnh theo mã định danh cá nhân.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Cơ sở dữ liệu được hình thành, số hóa, cập nhật	2026-2030
35	Phổ cập năng lực số, STEM/STEAM, AI, rô-bốt; xây dựng môi trường học tập số an toàn, nâng cao năng lực số cho giáo viên và nhân rộng lớp học thông minh, trường học thông minh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Kế hoạch triển khai	2026 - 2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
	Lao động, việc làm				
36	Triển khai, khai thác, sử dụng Nền tảng hợp đồng lao động điện tử và thúc đẩy người lao động, người sử dụng lao động giao kết, thực hiện hợp đồng lao động điện tử.	Sở Nội vụ	Các doanh nghiệp	Ứng dụng nền tảng Hợp đồng lao động điện tử được xây dựng	Thường xuyên
	An sinh xã hội				
37	Đẩy mạnh thúc đẩy việc triển khai chi trả qua tài khoản (bao gồm tài khoản thanh toán, thẻ ngân hàng, ví điện tử, tài khoản mobile money và các hình thức hợp pháp khác) cho các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội.	Sở Nội vụ	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Khu vực 7	Các hoạt động chi trả an sinh xã hội qua tài khoản ngân hàng được thực hiện	Thường xuyên
	Bảo hiểm xã hội				
38	Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong công tác phòng, chống lạm dụng, trục lợi quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Công an tỉnh	Các hoạt động ứng dụng công nghệ số trong công tác phòng, chống lạm dụng, trục lợi quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế	Thường xuyên
	Y tế				
39	Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế, xây dựng, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu y tế, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu đồng bộ từ trung ương đến cơ sở nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, khám bệnh, chữa bệnh.	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, doanh nghiệp có liên quan; các cơ sở khám chữa bệnh	Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
40	Triển khai sổ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, đơn thuốc điện tử gắn với định danh điện tử của người dân.	Sở Y tế	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ sở khám chữa bệnh	Kế hoạch triển khai	2026
41	Triển khai các nền tảng y tế số phục vụ quản lý và cung cấp dịch vụ như quản lý hành nghề, đơn thuốc điện tử, tiêm chủng và khám bệnh, chữa bệnh từ xa và các dịch vụ y tế số cơ bản khác	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã, Các cơ sở khám chữa bệnh	Kế hoạch triển khai	2026-2027
42	Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực y tế số; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số tiên tiến trong công tác phòng bệnh và khám bệnh, chữa bệnh”; đồng thời sửa kết quả thực hiện của nhiệm vụ này thành Kế hoạch, thời gian thực hiện thành 2026-2030.	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch triển khai	2026-2030
	Xây dựng				
43	Triển khai chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng xây dựng.	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các nhiệm vụ được triển khai	Thường xuyên
	Các ngành, lĩnh vực khác				
44	Triển khai phát triển kinh tế số, xã hội số của ngành, lĩnh vực phù hợp với xu thế chung và điều kiện cụ thể của tỉnh Thanh Hóa.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; các đơn vị liên quan			2026-2030
XI	Hợp tác trong nước, quốc tế				
45	Phối hợp với các bộ, ngành liên quan đẩy mạnh hợp tác trong triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội số giai đoạn 2026 – 2030; tận dụng tối đa các nguồn lực bên ngoài phục vụ mục tiêu phát triển trong tỉnh.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; các đơn vị liên quan			Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
XII	Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức				
46	Tổng kết và nhân rộng toàn quốc các mô hình hiệu quả trong phát triển kinh tế số và xã hội số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các mô hình được tổng kết, nhân rộng	Thường xuyên
47	Triển khai truyền thông về kinh tế số và xã hội số.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Báo và Đài phát thanh, truyền hình tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các hoạt động truyền thông được tổ chức	Thường xuyên
48	Đa dạng hóa các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thành tích trong phát triển kinh tế số và xã hội số.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các tổ chức, cá nhân được vinh danh, biểu dương, khen thưởng	Thường xuyên